TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 37/2017/KDTM-PT
Ngày 06 - 9 - 2017
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Yên;

Các thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Bà Huỳnh Thanh Duyên.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Toà án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 19/2016/TLPT – KDTM ngày 05 tháng 5 năm 2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2016/KDTMST ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 425/2016/QĐPT – KDTM ngày 29 tháng 7 năm 2016, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP P

Địa chỉ: đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1/. Ông Phan Thanh H, sinh năm 1979. (có mặt)

2/. Ông Liêu Thái H1, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: đường B2, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:*

1. Bà Dương Thị Nhựt Ph, sinh năm 1973. (có mặt)

2. Ông Trần Thanh T, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: số 46 đường B2, Phường M, thành phố V , tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Dương Thị Th, sinh năm 1931. (chết năm 2010)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Th: Bà Dương Thị Nhựt Ph.

- *Người kháng cáo:*

1/. Bà Dương Thị Nhựt Ph

2/. Ông Trần Thanh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2008, các đơn khởi kiện bổ sung và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/7/2007 Ngân hàng TMCP P (sau đây viết tắt là Ngân hàng P) có cho bà Ph, ông T vay theo Hợp đồng tín dụng số 0005/TDQ/07TGB với số tiền 2.000.0000.000 đồng, thời gian cho vay là 120 tháng, lãi suất trong hạn 12 tháng đầu là 1,15%/tháng. Từ tháng thứ 13 trở đi lãi suất bằng lãi suất tiền gửi VNĐ tại Ngân hàng P; lãi suất quá hạn 150% so với lãi suất trong hạn. Trả nợ gốc được chia thành nhiều kỳ hạn, cụ thể là 120 kỳ, trả nợ hàng tháng, số tiền trả góp hàng kỳ là 16.666.667 đồng và lãi. Tài sản đảm bảo là nhà và đất tọa lạc tại khóm A, Phường M, thị xã V, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 941610 do Ủy ban nhân dân thị xã V cấp ngày 08/10/2003 cho hộ bà Dương Thị Th (bà Th là mẹ của bà Ph) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0005/HĐTC/2007 ngày 27/7/2007. Hợp đồng có đầy đủ chữ ký các bên đương sự và được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/7/2007, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Ph số tiền 2.000.000.000 đồng. Do bà Ph, ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo cam kết, nên ngày 02/8/2008 Ngân hàng đã có đơn khởi kiện bà Ph, ông T và đề nghị có biện pháp xử lý đối với tài sản thế chấp của bà Th.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 28/7/2008 giữa Ngân hàng và bà Ph đã có biên bản thỏa thuận, theo đó bà Ph cam kết sẽ trả nợ đúng hạn theo hợp đồng và tự nguyên đóng án phí theo quy định pháp luật nên Ngân hàng đồng ý rút đơn khởi kiện. Tại Quyết định số 02/2008/QĐST-KDTM ngày 05/8/2008, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 13/4/2009, ngân hàng và bà Ph, ông T, bà Th đã có biên bản thỏa thuận theo đó bên thế chấp đồng ý giao tài sản thế chấp cho ngân hàng phát mãi để thu hồi nợ.

Vào ngày 24/7/2009, 31/8/2009, 12/10/2009 ngân hàng đã ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Vĩnh Long để tiến hành bán đấu giá tài sản thế chấp của bà Th. Do bà Ph phải thi hành

một bản án dân sự khác nhưng cũng không có khả năng thi hành án, nên ngày 27/8/2009 giữa ngân hàng và cơ quan thi hành án dân sự thành phố V đã có biên bản thống nhất tiền bán tài sản của bà Th sẽ trừ vào khoản nợ của ngân hàng, còn lại sẽ thông báo cơ quan thi hành án để phối hợp xử lý.

Năm 2010, bà Dương Thị Th chết. Ngày 15/12/2010, Chi cục thi hành án dân sự thành phố V có biên bản làm việc với bà Ph và đưa ra hai phương án giải quyết: một là để ngân hàng chủ động bán tài sản để thu hồi nợ; hai là giao cho thi hành án bán theo phương thức cưỡng chế thi hành án. Bà Ph cam kết đến ngày 27/12/2010 sẽ trả tiền hoặc cho Chi cục thi hành án biết bà chọn phương án nào, quá thời hạn trên, Chi cục thi hành án có quyền cưỡng chế bán tài sản theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, sau đó bà Ph vẫn không thực hiện việc thanh toán nợ như đã thỏa thuận mặc dù bà Ph đã nhiều lần có biên bản cam kết trả nợ cho ngân hàng.

Ngày 02/B2011, ngân hàng đã khởi kiện lại. Tại đơn khởi kiện này ngân hàng trình bày về việc ký hợp đồng tín dụng, về tài sản thế chấp, về số tiền bà Ph, ông T đã trả tính đến ngày 16/8/2008 là 266.616.264 đồng tiền gốc và 278.899.181 đồng tiền lãi. Số tiền còn nợ lại từ ngày 17/8/2008 đến hết ngày 28/02/2011 là 2.761.560.846 đồng. Ngân hàng đề nghị tòa án thụ lý hồ sơ khởi kiện để thu lại tổng số tiền trên.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2011/KDTM-ST ngày 05/8/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P chi nhánh T1 có ông Kim Mu N1 làm đại diện, số tiền (tính đến hết ngày 05/8/2011).

+ Tiền nợ gốc trong hạn và quá hạn: 1.733.383.736 đồng.

+ Tiền lãi: 1.212.710.295 đồng.

Tổng cộng: 2.946.094.031 đồng.

Ngày 15/8/2011, bà Ph và ông T có đơn kháng cáo.

Tại Quyết định số 134/2012/QĐKDTM-PT ngày 10/4/2012, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án với lý do tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ph, ông T đã xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2011/KDTM-ST ngày 05/8/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có hiệu lực pháp luật thi hành.

Ngày 17/9/2014, Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long có văn bản số 36/CTHA-NV kiến nghị xem xét lại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2011/KDTM-ST ngày 05/8/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 17/2015/KN-KDTM ngày 27/7/2015, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định:

Hủy Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại số 134/2012/QĐKDTM-PT ngày 10/4/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2011/KDTM-ST ngày 05/8/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Giao hô sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 16/12/2015 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Theo đơn khởi kiện ngày 02/B2011 Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu bà Ph, ông T trả số tiền nợ gốc và lãi 2.761.560.846 đồng (Trong đó nợ gốc 1.733.383.736 đồng, lãi trong hạn và quá hạn là 1.028.177.110 đồng). Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của hộ bà Dương Thị Th, tài sản gồm nhà số 46 và đất tọa lạc tại Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 941610 do Ủy ban nhân dân thị xã V cấp ngày 08/10/2003 cho hộ bà Dương Thị Th.

Tại biên bản hòa giải ngày 16/12/2015 bị đơn bà Dương Thị Nhựt Ph và ông Trần Thanh T trình bày: Ông bà đồng ý thanh toán nợ cho ngân hàng gốc 1.733.383.736 đồng, xin miễn giảm lãi do hoàn cảnh kinh tế khó khăn và riêng phần tài sản thế chấp nếu không có tài sản trả cho ngân hàng thì đồng ý phát mãi tài sản do bà Dương Thị Th đứng tên để trả nợ cho Ngân hàng TMCP P.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2016/KDTM-ST ngày 11 tháng 3 năm 2016, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng: Điều 471, 474, 476, 676 Bộ luật Dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P về việc buộc bà Ph, ông T trả nợ vay của ngân hàng.

Buộc bà Dương Thị Nhựt Ph, ông Trần Thanh T trả nợ cho Ngân hàng TMCP P số tiền 2.761.560.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm sáu mươi mốt triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng), trong đó gốc 1.733.383.000 đồng và lãi trong hạn, quá hạn 1.028.177.000 đồng (lãi tính đến ngày 28/02/2011).

Bà Ph, ông T tiếp tục thanh toán lãi cho Ngân hàng TMCP P (theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng) của số tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/B2016, bị đơn Dương Thị Nhựt Ph và Trần Thanh T kháng cáo yêu cầu chỉ trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền gốc 1.733.383.000 đồng và xin được trả dần; không đồng ý trả lãi; xin được miễn án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Dương Thị Nhựt Ph và Trần Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án số 01/2016/KDTM-ST ngày 11/0B2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức, đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo và đối chiếu với bản án sơ thẩm đã xét xử thì thấy: Vào ngày 27/7/2007, Ngân hàng TMCP P và bà Dương Thị Nhựt Ph, ông Trần Thanh T có ký kết Hợp đồng tín dụng số 0005/TDQ/07TGB, nội dung: Ngân hàng TMCP P cho bà Ph, ông T vay số tiền gốc 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất 12 tháng đầu là 1.15%/tháng, từ tháng 13 trở đi lãi suất bằng lãi suất tiền gửi VND tại Ngân hàng P, lãi suất quá hạn 150% so với lãi suất trong hạn, trả nợ gốc chia thành nhiều kỳ. Để đảm bảo khoản vay trên, bà Dương Thị Th (mẹ bà Ph) có thế chấp căn nhà số 46 đường B2, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Ph, ông T đã trả cho Ngân hàng P tiền nợ gốc và lãi; tính đến ngày 28/02/2011, ông T, bà Ph còn nợ gốc là 1.733.383.736 đồng. Sau đó, ông T bà Ph không tiếp tục trả nợ như đã cam kết nên đã vi phạm hợp đồng.

[3] Xét Hợp đồng tín dụng số 005 ngày 27/7/2007 các bên tham gia ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được xem là hợp pháp làm phát sinh hiệu lực pháp luật. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông T, bà Ph có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là 2.761.177.110 đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4] Xét hợp đồng thế chấp giữa bà Th với Ngân hàng P thì thấy: đây là tài sản do bà Th là chủ sở hữu căn nhà số 46 gắn liền phần đất tọa lạc tại đường B2, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Việc ký kết giữa bà Th với ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên làm phát sinh hiệu lực. Bà Th là mẹ ruột của bà Ph nên bà Th mới đem tài sản của mình ra thế chấp để đảm bảo trả khoản nợ vay. Năm 2010 bà Th chết, bà Ph là người thừa kế duy nhất của bà Th và cũng là người được hưởng di sản này. Tuy nhiên, do di sản đã đem thế chấp ngân hàng nên bà Ph phải có nghĩa vụ tiếp tục trả khoản vay này, nếu không có khả năng thanh toán thì phải đem tài sản đã thế chấp bán để thu hồi nợ là hoàn toàn hợp pháp. Do đó

cấp sơ thẩm tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án là phù hợp.

[5] Bà Ph, ông T kháng cáo yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 1.733.383.736 đồng, xin đứt tiền nợ lãi và xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, vấn đề này không được đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng P đồng ý và tại phiên tòa phúc thẩm này, phía ngân hàng cũng không đồng ý nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo này của bị đơn.

Xét thấy, cấp sơ thẩm xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn và giữ y bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Dương Thị Nhựt Ph và ông Trần Thanh T.

Giữ nguyên Bản án số 01/2016/KDTM-ST ngày 11/B2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 471, 474, 476, 676 Bộ luật Dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P về việc buộc bà Dương Thị Nhựt Ph, ông Trần Thanh T trả nợ vay của ngân hàng.

Buộc bà Dương Thị Nhựt Ph, ông Trần Thanh T trả nợ cho Ngân hàng TMCP P số tiền 2.761.560.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm sáu mươi mốt triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng), trong đó nợ gốc 1.733.383.000 đồng và lãi trong hạn, lãi quá hạn 1.028.177.000 đồng (lãi tính đến ngày 28/02/2011).

Bà Ph, ông T tiếp tục thanh toán lãi cho Ngân hàng TMCP P theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng của số tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bà Ph, ông T không trả số nợ thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp của hộ bà Dương Thị Th gồm căn nhà số 46 gắn liền phần đất tọa lạc tại đường B2, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long để trả nợ cho ngân hàng.

Bà Dương Thị Nhựt Ph, ông Trần Thanh T chịu 200.000 đồng tiền án phí phúc thẩm. Khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Dương Thị Nhựt Ph,

ông Trần Thanh T đã nộp theo biên lai thu số 0000156 ngày 25/4/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- NĐ (1);
- BĐ (2);
- Lưu (5).13b

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Yên